1.1. Phân tâm học và văn học nghệ thuật

1.1.1. Phân tâm học - Những tiền đề và khái niệm

Trong tất cả các ngành khoa học, người ta đã thừa nhận Tâm lý học là môn

khoa học bí hiểm, và khó có thể chứng minh bằng khoa học hơn bất cứ bộ

môn nào khác. Bản chất của những sự vật ở đây luôn luôn có sự hư hư, thực thực

và sự bất ngờ. Vì nhà tâm lý học nghiên cứu về cuộc sống tâm lý con người, mà bản

thân con

người là một thế giới huyền diệu, bí ẩn và chỉ khi trong tầng sâu thẳm

của tâm hồn,

họ mới có thể hiểu được lòng mình.

Sau sự kiện “Sinh vật học” của Darwin, “Vũ trụ học” của Copernius, thì

S.Freud cũng muốn cảnh tỉnh con người, ông muốn toàn bộ những công trình

Thám hiểm của đời ông, về thế giới vô thức, dạy cho nhân loại đòn thứ ba, đòn

“tâm lý học”. Ông viết:“Nhân loại luôn biết rằng nó có một tinh thần. Nhưng cần

Luôn nhắc cho nó nhớ rằng nó có các bản năng”[1047, tr. 37]. Đồng thời ông

cũng là người có công lớn nhất, làm cho môn học từ chỗ chỉ đơn giản là phương

pháp điều

trị chứng bệnh tâm thần có hiệu quả, trở thành một lý thuyết xã hội,

được nhân loại thừa nhận như là một phát minh lớn trong khoa học cũng như trong đời

sống tinh thần của con người. Những phát hiện của ông về học thuyết phân tâm đã

góp phần không nhỏ trong việc mở lối đi sâu vào thế giới ẩn kín của tâm hồn con

người.

Với sự phát hiện ra cõi vô thức, phân tâm học của S.Freud có ảnh hưởng vô

cùng lớn đối với tư duy con người hiện đại. Sigmund Freud, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1856 tại Freiberg thuộc miền Moravia, Đức, nay thuộc Pribol,Cộng hoà Séc.

Theo người viết tiểu sử của Freud khẳng định: Freud có sự thừa hưởng từ

người

cha, một nhà buôn len “tính hoài nghi sâu sắc về những tai biến bất

thường của

cuộc đời, thói quen dùng giai thoại Do Thái để châm biếm các quan điểm đạo

13

Là một bác sỹ trẻ tâm huyết với nghề, S.Freud nghiên cứu môn thần kinh học

và giải phẫu thần kinh. Sau một thời gian, tên tuổi của ông đã nổi

tiếng, ông theo

một người bạn sang Pháp. Đến Paris, ông được tiếp xúc và làm quen với Jean

Charcot – là một nhà bệnh lí học và thần kinh học nổi tiếng của Pháp.

Ông rất thoả

mãn khi thấy Charcot chứng minh được “bệnh loạn thần kinh giả và bệnh

loạn thần

kinh thật” do dùng thôi miên tạo ra. Khi trở về Viên, ông vấp phải rất

nhiều cản trở.

Người ta còn trừng phạt ông bằng cách đuổi ông ra khỏi phòng thí nghiệm

giải phẫu

thần kinh. Sau đó, ông vẫn tiếp tục chữa bệnh thần kinh bằng phương pháp

thôi

miên trong vài năm, nhưng phương pháp này của Freud bị lên án, đặc biệt

là các

thầy thuốc tâm thần học, học cho đó là tà thuật. S.Freud lại một lần nữa

bị tẩy chay.

Không khuất phục, ông vẫn tin tưởng vào phương pháp mới của mình và cố gắng

làm sáng tỏ vấn đề. Ông đã học hỏi kinh nghiệm, trên cơ sở đó, ông xây

dựng lý

thuyết chữa trị bằng giáo dục mà không cần đến thuốc, không cần đến thôi

miên.

Đây là phương pháp thông qua giao tiếp, trò chuyện thân tình với người

bệnh để

phân tích trạng thái tinh thần của người bệnh. Việc chữa bệnh theo

phương pháp

này được gọi là phân tâm học(psychanalyse là từ ghép từ psycho – tâm lí

và analyse

– phân tích). Phân tâm học, có thể được coi như là một ngành của thần

kinh bệnh

học, và chỉ áp dụng cho những trường hợp khó khăn nhất là rối loạn nhân

cách. Cho

nên, phân tâm học có thể được định nghĩa như một phương pháp dùng để trị

những

bệnh rối loạn tâm lý và thần kinh. Theo yêu cầu riêng của phân tâm học,

Freud chia

các hiện tượng tinh thần thành ba loại:Vô thức(inconscient), tiền ý

thức (pré-conscient) và ý thức(conscient).

Khái niệm“ý thức”(conscient) còn gọi là tinh thần ý thức hay ý thức hữu

thức.Cái hữu thức là đối tượng nghiên cứu của tâm lí học cổ điển,“ý thức

của con người như là một hình thức của tư duy, một hình thức đời sống tinh thần

của con người, nơi mà con người có khả năng tự hiểu biết mình cũng như ngoại

giới, do đó có khả năng tự làm chủ cuộc sống của mỗi cái tôi một cách sáng suốt, không

hề bị động dưới bất kì ảnh hưởng nào từ bên ngoài hay từ một nguyên nhân nào”[63,

tr.35].

14

“Tiền ý thức”, theo S.Freud là“một hiện tượng tinh thần được xét theo chiều

ngược lại nó không phụ thuộc vào vô thức nữa nhưng nó cũng chưa trở thành ý

thức. Nó là một hình thức tinh thần trung gian trong quá trình chuyển

biến cái vô thức thành cái hữu thức, thành ý thức”[63, tr.58]. Ông lấy ví dụ bằng

cách, hình dung hai căn phòng có cửa thông nhau và có một người gác cửa. Phòng thứ

nhất chứa đầy vô thức, một số cái vô thức đã lọt qua người gác cửa để sang

phòng thứ hai, là nơi cho cái hữu thức. Một số cái vô đã qua sự kiểm duyệt của

người gác cửa, nhưng chưa vào hẳn trong phòng hữu thức. Vì vậy, những vô thức này chưa

chưatrở thành hữu thức nhưng cũng không còn là vô thức nữa và được gọi là“tiền ý

thức”. Đây là quá trình chuyển vô thức thành hữu thức của phân tâm học.

Trong khi chữa bệnh, S.Freud phát hiện ra rằng, nguyên nhân sâu xa của căn

bệnh, đó là từ miền sâu trong tâm hồn người bệnh hay chính là cái vô

thức. Điều đó đã được chính S.Freud giải thích “cái vô thức chính là bị dồn nén đến

quá mức chịu đựng thì phải phát sinh ra bệnh tâm thần. Còn triệu chứng chỉ là biểu

hiện ra bề mặt do cái vô thức bị chèn ép gây ra mà thôi”[63, tr.16]. Freud tuyên

bố: cõi vô thức là đối tượng, hoạt động của ý thức chỉ là phụ thuộc. Con người

thường suy nghĩ một cách vô thức và chỉ thỉnh thoảng suy tư mới là có ý thức. Vô

thức là cái mang sinh lý tự nhiên, mang bản năng di truyền, vô thức còn có sự tác

động, chi phối bởi môi trường và xã hội.

Theo S.Freud, tách khỏi ý thức, hay còn gọi là hữu thức ở tầng sâu trongkết

cấu con người, là hệ thống vô thức. Nó là kho tàng dự trữ những bản năng

dục vọngsinh vật của con người, là hầm thuốc súng chứa đựng tâm lý mãnh liệt, nó

phục vụcho nguyên tắc khoái lạc, nó luôn bức thiết và tìm cách thoả mãn, nên nó

là hạtnhân của kết cấu con người. Điều đặc biệt là trong quá trình nghiên cứu

chữa bệnh tâm thần, Freud đã đưa ra một kết luận quan trọng về lí thuyết tính dục.

Theo ông “yếu tố chính trong sự rối loạn về tính dục là sự duy yếu gây ra cả bệnh

tâm thần lẫn bênh tâm thầm suy nhược”. Ông là người đầu tiên xoá bỏ mọi thành

kiến, để coi tính dục (libido) con người là đối tượng của khoa học. Đây chính là nền

tảng củahọc thuyết phân tâm học.

15

Vô thức chính là sự khởi đầu của phân tâm học. Đó chính là những công

trình nghiên cứu của S.Freud về một loạt những hiện tượng về đời sống của con

người bình thường. Công trình này được gọi là “những hành vi sai lạc”, gồm:

những hành vi lầm lỡ, những câu nói lỡ lời, những câu chữ đọc lỡ miệng, sự lãng quên và đãng trí. Đây là những hành vi xảy ra trong đời sống thường ngày của conngười, nhưng ít được chú ý đến, nhưng S.Freud lại cho đó là những đốitượng cầnchú ý đến để nghiên cứu. Theo ông, đó là “trạng thái bệnh lý” của đờisống vô thứcbình thường. Qua quá trình nghiên cứu, ông rút ra kết luận “Những hành vi sai lệch vô nghĩa, đầu Ngô, mình Sở và vô tội vạ đó thực ra lại có nghĩa nào đó mà người có hành vi đó không hề hay biết và cũng không có ý định gì”[63, tr.64]. Mỗi hành vi sai lệch đều có một ý nghĩa nào đó, vì thế chúng ta phải tìm ra ý nghĩa của chúng. Muốn tìm ra ý nghĩa, chúng ta phải thực hiện phép liên tưởng. Liên tưởng giữa những lời nói có lỡ lời đó với những ý nghĩ, hoặc những

lời nói đã có trước đó, đã xảy ra vào thời gian trước đó. Qua đó ta biết được ý tưởng trong hành vi sai lạc.Bên cạnh những hành vi sai lạc, thì giấc mơ cũng có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. S.Freud là nhà tiên phong, có công lao tìm hiểu giấc mơ và tạo ra một phương pháp riêng để phân tích giấc mơ. Freud khẳng định:“Giấc mơ được hình thành là do sự hoạt động của một cái gì đó mà người nằm mơ biết mà lại không hề hay biết về điều đó…Trong khi đương sự ngủ, cái vô

thức đó lơị dụng thời cơ để thoả mãn trong giấc mơ. Và sự thoả mãn lén lút mà vẫn còn vấp phải một phán đoán nào đó, có thể là yếu hơn nên nó xuất hiện trong giấc mơ có thể với bộ mặt đã biến đổi đi một phần. Phân tâm học còn được gọi là sự biến dạng. Nó không phải là nội dung thức của những giấc mơ. Nó chính lànhữnghình dung thay thế cho nội dung thực của những giấc mơ, mà cũng là hình dung

thay thế của cái vô thức trong giấc mơ”[62, tr.93]. S.Freud chưa đưa ra

một định

nghĩa đầy đủ về giấc mơ, mà ông thường trình bày những quan niệm của

mình từ

góc độ khác nhau thông qua việc xác định đặc tính “giấc mơ”.

16

Mơ, hay còn gọi là ngủ mơ, là hoạt động tinh thần của con người khi ngủ. Vì

là hoạt động tinh thần nên giấc mơ là một trạng thái vừa thức vừa ngủ.

Giấc ngủ

trước hết là một hoạt động sinh lý, là một hành vi nghỉ ngơi cả về cơ

năng và hệ

thần kinh, là sự nghỉ ngơi của cơ thể. Phân tâm học coi giấc mơ xuất

hiện trong lúc

ngủ “chính là biểu hiện của những gì còn sót lại trong ngày, trong đời

sống bên

ngoài vào lúc thức”[63, tr.85]. Cái sót lại trong ngày là những hiện

tượng tinh thần,

nghĩa là chúng sót lại trong tâm trí, nó là những gì sót lại trong khi

thức.

Thật ra, dù được bọc bởi một lớp vỏ nào đi chăng nữa thì con người vẫn là

con người, lúc vui lúc buồn, lúc lạnh lùng nhưng có lúc dạt dào yêu

thương. Bởi

vậy, con người là sự đan xen giữa cao cả và thấp hèn, giữa tốt và xấu,

giữa hoàn

thiện và chưa hoàn thiện. Vì thế con người luôn có mặc cảm này hay mặc

cảm khác.

Do vậy, ngoài lí thuyết vô thức, ý thức, tiền ý thức và khái niệm giấc

mơ, thì Freud

còn đưa ra nhiều khái niệm về một số mặc cảm con người hay mắc phải.

Nhằm để

giải thích, bổ sung, hoàn thiện cho thuyết phân tâm học của mình. Đó là

mặc cảm

hoạn; mặc cảm Oedipe; mặc cảm tính dục ấu thơ, mặc cảm chết. Những khái

niệm

này trực tiếp liên quan đến sáng tạo văn học Việt Nam thời hiện đại một

cách sâu

sắc, ảnh hưởng sâu rộng đến quan niệm sáng tác của rất nhiều nhà văn

đương đại.

Trong trường hợp này, Bảo Ninh cũng không là một ngoại lệ.

Tính dục chiếm vị trí quan trọng trong học thuyết của Freud, là nhu cầu

không

thể thiếu được trong cuộc sống con người, gắn liền với mỗi người và cả

lịch sử loài

người.Tính dục bắt nguồn từ sự bảo tồn nòi giống, và được thực hiện theo

hai nguyên

tắc:khoái cảm và thực tế. Tính dục hiểu theo chủ nghĩa của S.Freud“là

toàn bộ mọi

hoạt động gây nên sự khoái cảm cao ở con người chứ không riêng gì nhục

dục. Tính

dục tự nhiên không xuất hiện ngẫu nhiên, tự do mà còn phụ thuộc vào điều

kiện xã

hội, nền văn hoá, văn minh của cả một thời đại nhất định.”[106, tr.67]

“Tính dục ấu thơ”, S.Freud cho rằng: một đứa trẻ còn chìm trong giấc ngủ

bào thai cho đến khi chào đời đã mang trong mình đặc tính, tính dục

loài. Động cơ

tính dục ở dạng bản năng nguyên thuỷ ấy đã theo đuổi trong suốt cuộc đời

của đứa

trẻ ở các hình thức khác nhau. Nó quy định những phản ứng, ứng xử của

đứa trẻ, có

17

thể ở nhiều hình thức khác nhau và trên thực tế cho thấy, một đứa trẻ

trong bụng mẹ

đến khi chào đời đã mang trong mình tính dục của con người. Lớn lên nó

mong tìm

thấy người giống bố hoặc mẹ và tìm niềm khoái cảm ở đó. Khái niệm tính

dục ấu

thơ là một lí thuyết rất quan trọng đối với thuyết phân tâm học. Theo lý

thuyết này,

quá trình hình thành tính cách con người từ lúc mới cất tiếng chào đời

đến lúc

trưởng thành trải qua hai giai đoạn: giai đoạn“tự thoả mãn khoái lạc với

mình”

(Auto – érotisme) và giai đoạn “thoả mãn khoái lạc với ngươì khác” (

héterotisme).

“Tự thoả mãn khoái lạc với mình” là giai đoạn năng lực tính dục biểu lộ ở

thời kì đầu tiên của trẻ bằng cách thức để tự thoả mãn mình. Giai đoạn

thứ hai

“thoả mãn khoái lạc với ngươì khác” là thời kì trẻ bỏ dần sự tìm kiếm

những khoái

lạc bằng cách tự thoả mãn, mà bắt đầu hướng đến người khác để thực hiện

sự khoái

cảm. Như vậy, ngay từ khi mới sinh ra, trẻ em đã có những ham muốn,

những sự

thoả mãn chứ không chỉ riêng ở tuổi trưởng thành.

Khái niệm“mặc cảm Oedipe” có liên quan mật thiết với tính dục ấu thơ.

Phân tâm học giải thích“mặc cảm Oedipe” là mặc cảm tính đau khổ, day

dứt, lo

toan tội lỗi, lo sợ về tội giết cha, yêu mẹ, lo sợ tội loạn luân. Hay

“Mặc cảm

Oedipe” chính là sự chống lại mặc cảm đó.“Mặc cảm Oedipe” được Freud soi

chiếu trong thần thoại Hy Lạp. S.Freud lấy tên một vị thần trong thần

thoại Hy Lạp

để đặt tên cho mặc cảm này. Oedipe là con của một vị vua và hoàng hậu.

Khi hoàng

hậu sắp sinh con, một nhà tiên tri báo cho vua và hoàng hậu biết rằng

đứa con trai

của họ sinh ra sẽ phạm phải tội rất lớn là tội loạn luân “giết cha lấy

mẹ”. sau khi

được sinh ra, đứa trẻ được vua sai mang vào rừng để giết, nhưng vì

thương đứa trẻ

vô tội, người hầu tha chết cho nó và để nó lại rừng. Đứa trẻ được một

người nhặt về

nuôi. Oedipe lớn lên không biết nguồn gốc của mình, đem quân sang đánh

xứ khác.

Oedipe đến một đất nước giết vua nước này rồi lấy làm hoàng hậu. Sau khi

biết

được sự thật về việc làm loạn luân đó, nên vua Oedipe đã tự trừng trị

mình bằng

cách chọc mù đôi mắt của mình và đi lang thang. Dưới góc nhìn của phân

tâm học,

Freud cho rằng, Oedipe mang trong mình bản năng của giống loài, luôn

dành cho

mẹ một tình cảm đặc biệt. Con người thân thiết đầu tiên mà đứa trẻ

thường gắn bó

18

chính là người mẹ. Mẹ nó luôn là thần tượng, mẹ chăm sóc, giáo dục nên

bao giờ

mẹ cũng là tình thương yêu đầu tiên của đứa trẻ. Tuy nhiên chúng ta cần

phải khẳng

định rằng, mặc cảm Oedipe chỉ có hướng phát triển ở một vài cá nhân, cho

nên

không thể cho đó là một thứ tình cảm phổ biến tồn tại trong tất cả mọi

người. Mặc

cảm Oedipe cũng có nguồn gốc từ mặc cảm tính dục ấu thơ, mặc cảm này có

ở cả

bé trai và bé gái.

Khái niệm tiếp theo của S.Freud cũng có tầm quan trọng trong học thuyết

phân tâm của ông đó là mặc cảm hoạn(Complexe decastration). Mặc cảm hoạn

không giống như mặc cảm về tính dục ấu thơ, mặc cảm Oedipe, mà đây là

một loại

mặc cảm của sự thiếu sót một bộ phận, một chức năng nào đó trong cơ thể.

Vì thế,

Freud ngoài việc gọi ra mặc cảm hoạn ra còn có tên khác là “mặc cảm tàn

phế”.

Freud cho rằng: những bé trai không chỉ khám phá dương vật của mình như

là một

nguồn khoái cảm mà còn tưởng rằng mọi người đều như chúng cả. Đặc biệt,

chúng

cho rằng bé gái cũng có dương vật như đàn ông và bé trai. Ảo giác này

vẫn còn cho

đến khi chúng biết là không phải như vậy. Còn về bé gái, rất sớm để thấy

rằng nếu

chúng có một dương vật thì chắc chắn sẽ thấp kém hơn dù rằng nó giống

mọi mặt

so với dương vật mà chúng nhìn thấy ở bé trai. Tuổi dậy thì chấm dứt vào

thời điểm

tiềm ẩn. Vì sự xung đột ở những đứa bé gái, do đó chúng đã biến bố thành

đối

tượng đặc biệt khi sự phụ thuộc tuyệt đối của chúng vào mẹ đã bắt đầu

nhường chỗ

cho sự thừa nhận vai trò của bố và mối quan tâm của người bố đối với

chúng. Tất cả

điều đó trước đây bị dồn nén, bây giờ đã trỗi dậy. Một đứa bé gái vào

lứa tuổi ấy có

thể thách thức mẹ mình trong khi công khai cố gắng quyến rũ bố mình bằng

cách

phô bày những nét hấp dẫn nữ tính của nó. Điều này có thể lúc đầu là

ngây thơ,

trong trắng, nhưng về sau đó là việc thử thách nữ tính của nó, nhằm mục

đích cuối

cùng: tìm kiếm một bạn tình ở bên ngoài gia đình.

Nhân vật thứ hai sau S.Freud là Kard Gustav Jung, là nhà phân tâm học

người Thuỵ Sĩ, là môn đệ quý nhất của Freud, nhưng do không đồng ý với quan

điểm của Freud nên ông đã li khai thầy. Jung suốt đời trung thành với

học thuyết vô

thức của S.Frued, nhưng ông kiên quyết phản đối việc S.Freud cho rằng vô

thức chỉ

19

có bản năng tính dục. Nếu theo S.Freud, libido chỉ có khả năng tính dục,

thì Jung lại

cho rằng đây là một sức sống phổ biến. Điều quan trọng hơn, Jung cho

rằng: “Cái

bản ngã vô thức chỉ là một bộ phận của vô thức, mà ông gọi là “vô thức

cá thể”, và

chẳng qua là một lớp mỏng nằng ngay dưới ý thức. Nó chứa đựng những nội

dung

và hoạt động tâm lí không điều hoà được với ý thức nhưng có khả năng

chuyển hoá

nhanh thành ý thức”[68, tr.13]. Một điểm khác giữa Jung và Freud là ở

khái niệm

vô thức. Khác với Freud chỉ chú trọng tới vô thức cá nhân thì Jung

nghiên cứu “vô

thức tập thể”. Theo Jung, sơ đồ kết cấu tâm lí cũng gồm ba tầng: “Ý thức

là phần

nhô lên mặt nước của hòn đảo, phần chìm dưới nước là “vô thức cá thể”,

cắm sâu

dưới đáy biển là vô thức tập thể”[68, tr.3]. Ông cho rằng, “vô thức tập

thể” có gốc

gác sâu xa từ lịch sử nhân loại và chủng tộc. Đây chính là nhân tố mơ

mơ, hồ hồ, u

u, minh minh, nhưng lại rất sâu sắc quyết định hành vi của con người.

Như vậy,

việc khám phá ra lí thuyết “vô thức tập thể”, Jung đã mở ra một con

đường mới

trong việc nghiên cứu tưởng tượng của con người. Học thuyết của ông đã ảnh

hưởng sâu rộng trong các lĩnh vực văn hoá, đặc biệt là văn hoá phương

Đông và văn

học nghệ thuật.

Những tiền đề của học thuyết phân tâm học của S.Freud với việc khám phá

ra khái niệm“vô thức” đã làm cho phân tâm học ngày càng phát triển và có

một tầm

ảnh hưởng vô cùng lớn đối với đời sống tinh thần và tư duy của con người

hiện đại.

Trong đó cũng không thể quên đóng góp của Jung với việc khám phá ra“vô

thức tập

thể”, đưa phân tâm học gần với sáng tạo của con người, trong đó có văn

học Bên

cạnh đó, chúng ta cần tìm hiểu và đưa ra một số khái niệm trong lĩnh vực

phân tâm

học có ảnh hưởng đến văn học như: khái niệm vô thức, khái niệm tính dục

ấu thơ,

khái niệm mặc cảm Oedipe, mặc cảm hoạn… nhằm có cái nhìn cụ thể, rõ ràng

hơn

về phân tâm học, để có thể thấy rõ được sự ảnh hưởng của nó đến đời

sống, và đặc

biệt là ảnh hưởng tới văn học.

Đến với học thuyết phân tâm học của Freud, ta như thấy được sâu hơn cái

“ta” của chính mình, thấy được điều mà bấy lâu nay ta cố tình che giấu.

Dù cho

những điều đó xã hội chưa rộng rãi cho phép, chính vì thế mà con người

đã, đang